

TỈNH VĨNH PHÚC XƯA VÀ NAY

NGUYỄN QUANG AN*

I. QUÁ TRÌNH CHIA ĐỊNH CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRÊN VÙNG ĐẤT CỦA TỈNH VĨNH PHÚC NGÀY NAY

1. Thời các vua Hùng

Đứng đầu nước Văn Lang là Hùng Vương. Ngôi Hùng Vương cha truyền con nối. Theo truyền thuyết có 18 đời vua Hùng, chia nước ra làm 15 bộ tương ứng với địa bàn cư trú của 15 bộ lạc Việt. Cai quản các bộ lạc là các Lạc tướng, cũng cha truyền con nối. Hiện nay có 3 sách khác nhau viết về 15 bộ lạc của nước Văn Lang: Sách *Việt sử lược* (1) chép: Giao Chỉ, Việt Thường, Thị, Vũ Ninh, Quận Ninh, Gia Ninh, Ninh Hải, Lục Hải, Thanh Tuyên, Tân Xương, Bình Văn, Văn Lang, Cửu Chân, Nhật Nam, Hoài Hoan, Cửu Đức.

Sách *Lĩnh Nam chích quái* (2) chép: Giao Chỉ, Chu Diên, Ninh Sơn, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyên, Quế Dương, Vũ Ninh, Hoài Hoan, Cửu Chân, Nhật Nam, Chân Định, Quế Lâm, Tượng Quận.

Sách *Dư địa chí* (3) chép: Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyên, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức (thiếu 1 bộ).

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (4) đưa ra danh sách 14 bộ theo thứ tự như sách *Dư địa chí* và bổ sung thêm bộ Văn Lang: "Bộ gọi là Văn Lang là đô của vua.

Bộ máy nhà nước theo hệ thống 3 cấp: Trung ương - Bộ (hay bộ lạc) - Công xã nông thôn. Công xã nông thôn là những đơn vị dân cư liên kết bởi quan hệ huyết thống và quan hệ láng giềng, trong đó quan hệ láng giềng là chủ yếu. Đứng đầu công xã là Bồ chính (già làng). Bên cạnh Bồ chính là một hội đồng các thành viên được cử ra để tổ chức mọi hoạt động của công xã.

Phạm vi nước Văn Lang gồm dải đất miền Bắc nước Việt Nam từ Hoàn Sơn (5) trở ra và một dải miền Nam Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) ngày nay. Thời kỳ nước Văn Lang và nước Âu Lạc, đất đai tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay nằm trong bộ Văn Lang.

2. Thời Bắc thuộc

Thời Bắc thuộc kéo dài hơn 1.000 năm trải qua các triều đại: Triệu, Hán, Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương, Tùy, Đường kế tiếp nhau xâm chiếm và đô hộ, biến nước Âu Lạc thành châu quận.

Năm 179 tr. Cn Triệu Đà đánh chiếm nước Âu Lạc, sáp nhập đất đai Âu Lạc vào phạm vi nước Nam Việt. Nước Nam Việt của

* Viện Sử học

Triệu Đà là nhà nước cát cứ của một tập đoàn quan lại nhà Hán, không phải là nhà nước của người Việt. Triệu Đà chia Âu Lạc thành hai quận: *Giao Chỉ* (Bắc Bộ ngày nay) và *Cửu Chân* (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay). Dưới cấp quận là các bộ lạc và chế độ lạc tướng từ thời các vua Hùng vẫn tồn tại, họ chỉ nộp cống cho Nam Việt thông qua hai viên sứ giả.

Năm 111 tr.Cn nhà Tây Hán diệt nước Nam Việt, lập ra bộ *Giao Chỉ* gồm 4 quận ở miền Nam Trung Quốc là Nam Hải, Thương Ngô, Uất Nhi, Hợp Phố; 2 quận ở đảo Hải Nam là Châu Nhai, Đạm Nhi; 2 quận thuộc Âu Lạc cũ là *Giao Chỉ*, *Cửu Chân* và lấy thêm đất ở phía Nam quận *Cửu Chân* đặt làm quận *Nhật Nam* (từ Hoành Sơn đến Quảng Nam). Đất quận *Giao Chỉ* đời Hán tương đương với đất các tỉnh nước ta ngày nay từ Ninh Bình trở ra, trừ miền Tây Bắc còn ở ngoài phạm vi thống trị của nhà Hán và những huyện ven biển Thái Bình, Ninh Bình bấy giờ chưa được bồi đắp. Vùng đất nay là tỉnh Vĩnh Phúc thuộc quận *Giao Chỉ*.

Năm 106 tr.Cn lại tách 7 quận ở lục địa lập châu *Giao Chỉ*, trị sở đặt tại quận *Giao Chỉ*. Đứng đầu châu *Giao Chỉ* có một viên thứ sử. Đứng đầu mỗi quận có một viên thái thú trông coi về hành chính và một viên đô úy phụ trách quân sự. Dưới quận là huyện, phần nhiều vẫn do các lạc tướng cai trị như cũ. Từ năm 43, sau khi đánh bại được cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, nhà Hán mới đặt quan trực tiếp cai trị ở cấp huyện. Nhà Hán sụp đổ, Trung Quốc rối loạn, dẫn đến cục diện Tam quốc. Nước ta bị nhà Ngô đô hộ. Năm 226 nhà Ngô lấy từ Hợp Phố về bắc làm châu *Quảng* (gồm 4 quận: Hợp Phố, Thương Ngô, Quế Lâm, Nam Hải); từ *Giao Chỉ* về nam làm châu *Giao* (gồm 3 quận: *Giao Chỉ*, *Cửu Chân*,

Nhật Nam); sau lại hợp châu *Quảng* với châu *Giao* như cũ. Năm 264 nhà Ngô lại chia ra làm châu *Quảng* và châu *Giao*. Trị sở của châu *Quảng* đặt tại *Phiên Ngung*. Trị sở của châu *Giao* đặt tại *Long Biên*. Đến cuối thời Tam quốc, châu *Giao* gồm 6 quận (trong đó, vùng đất nay là tỉnh Vĩnh Phúc thuộc quận *Giao Chỉ*):

- *Giao Chỉ* có 14 huyện (12.000 hộ): Long Biên, Câu Lậu, Vọng Hải, Liên Lâu, Tây Vu, Vũ Ninh, Chu Diên, Khúc Dương, Ngô Hưng, Bắc Đái, Kê Từ, An Định, Vũ An, Quân Bình. Vùng đất nay là tỉnh Vĩnh Phúc thuộc huyện Vũ An.

- *Tân Xương* có 6 huyện (3.000 hộ): Mê Linh, Gia Hưng, Ngô Định, Phong Sơn, Lâm Tây, Tây Đạo.

- *Vũ Bình* có 7 huyện (3.000 hộ): Vũ Ninh, Vũ Hưng, Tiến Sơn, Cấn Ninh, Vũ Định, Phù Khê, Phong Khê.

- *Cửu Chân* có 6 huyện (3.000 hộ): Tư Phố, Di Phong, Trại Ngô, Kiến Sơ, Thường Lạc, Phù Lạc (nhà Tấn lập thêm huyện Tùng Nguyên).

- *Cửu Đức* có 7 huyện (không rõ số hộ): Cửu Đức, Hàm Hoan, Nam Lăng, Dương Thành, Phù Ninh, Khúc Tư, Đô Hào

- *Nhật Nam* có 5 huyện (600 hộ): Tượng Lâm, Lô Dung, Chu Ngô, Tây Quyển, Tỷ Ảnh (nhà Tấn tách Tây Quyển đặt Thọ Linh; tách Tỷ Ảnh đặt Vô Lao)

Nhà Tấn đổi huyện Ngô Hưng làm huyện *Giao Hưng*, huyện Quân Bình làm huyện *Hải Bình*, huyện Vũ An làm huyện *Nam Định*, huyện Dương Thành làm huyện *Dương Toại* và lập thêm huyện *Tùng Nguyên* ở quận *Cửu Chân*, huyện *Phổ Dương* ở quận *Cửu Đức*.

Nhà Tấn đổ, Trung Quốc diễn ra cục diện Nam Bắc triều (420-589). Nước ta bị

đặt dưới ách đô hộ của Nam triều (Tống, Tề, Lương). Tại châu Giao, nhà Tống đặt thêm quận Nghĩa Xương và quận Tống Bình. Nhà Lương nâng quận lên hàng châu: Châu Hoàng, châu Ái, châu Đức, châu Lợi, châu Minh.

Nhà Tùy (589-618) chia lại quận huyện. Lúc đầu gom các châu huyện nhỏ làm châu huyện lớn, sau lại bỏ đơn vị châu, lập quận. Nước ta bị chia làm 6 quận với 36 huyện: Giao Chỉ (9 huyện), Cửu Chân (7 huyện), Nhật Nam (8 huyện), Tỷ Ảnh (4 huyện), Hải Âm (4 huyện), Lâm Ấp (4 huyện). Vùng đất nay là tỉnh Vĩnh Phúc thuộc quận Giao Chỉ.

Nhà Đường thay thế nhà Tùy, sửa lại toàn bộ chế độ hành chính và sự phân chia châu huyện, đặt 12 châu: Giao, Lục, Phong, Trường, Ái, Diễn, Hoan, Phúc Lộc, Thang, Chi, Võ Nga, Võ An và các châu kỵ mị. Châu Giao gồm các huyện: Nam Định, Thái Bình, Giao Chỉ, Chu Diên, Long Biên, Bình Đạo, Vũ Bình.

3. Từ họ Khúc đến Đinh - Tiên Lê - Lý - Trần - Hồ

Năm 905 nhân cơ hội nhà Đường suy yếu, Khúc Thừa Dụ là một hào trưởng, được nhân dân ủng hộ đã tự xưng làm Tiết độ sứ, giành được quyền làm chủ đất nước. Năm 907 Khúc Thừa Dụ mất, con là Khúc Hạo nối nghiệp cha, tiến hành một số cải cách quan trọng: Đổi "hương" làm "giáp", lập thêm 150 giáp, nâng tổng số giáp lên 314 và đặt mỗi giáp một quản giáp và một phó tri giáp. Đồng thời chia cả nước thành các đơn vị hành chính lệ thuộc từ lớn đến nhỏ là lộ, phủ, châu, giáp, xã; đặt ra các chức Chánh lệnh trưởng, Tá lệnh trưởng để trông coi các xã; lại định ra hộ tịch, lập sổ khai hộ khẩu kê rõ họ, tên, quê quán.

Năm 938 Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, chấm dứt hơn 1000 năm Bắc thuộc. Hệ thống các đơn vị hành chính thời Ngô (938 - 965) vẫn như thời kỳ họ Khúc nắm quyền cai trị. Nhà Đinh (968-980) lập hệ thống quản lý hành chính gồm 4 cấp: Triều đình (cấp trung ương), đạo (thay cho lộ), phủ - châu và cấp cơ sở gồm giáp, xã. Nhà Tiên Lê (980-1009) vẫn giữ nguyên các đơn vị hành chính như thời Đinh, đến năm Ứng Thiên thứ 9 (1002) mới đổi 10 đạo làm 10 lộ, cấp dưới có phủ, châu, giáp, xã.

Nhà Lý (1009-1225) chia nước làm 24 lộ. Danh sách trong chính sử chỉ ghi tên của 12 lộ thời Lý là:

- Thiên Trường (Nam Định ngày nay)
- Long Hưng (Thái Bình ngày nay)
- Quốc Oai (Sơn Tây cũ và Vĩnh Phúc, Phú Thọ ngày nay)
- Bắc Giang (Bắc Ninh, Bắc Giang ngày nay)
- Hải Đông (Quảng Ninh và một phần Hải Dương ngày nay)
- Trường Yên (Ninh Bình ngày nay)
- Kiến Xương (Thái Bình ngày nay)
- Hồng Lộ (Hải Dương ngày nay)
- Khoái Lộ (Hưng Yên ngày nay)
- Thanh Hoa (Thanh Hóa ngày nay)
- Hoàng Giang (Hà Nam ngày nay)
- Diễn Châu (Nghệ An ngày nay)

Nhà Trần (1226-1400) sắp đặt lại các đơn vị hành chính địa phương gồm 3 cấp: phủ lộ, huyện châu, hương xã (6). Sử chép, thời kỳ đầu nhà Trần đổi 24 lộ thời Lý làm 12 lộ, nhưng không chép rõ danh sách các lộ.

Giáo sư Đào Duy Anh đã căn cứ vào tài liệu của Trung Quốc ghi chép về các phủ, châu, huyện ở thời thuộc Minh để lập danh sách các phủ lộ ở cuối thời Trần như sau (danh sách này vẫn chưa đủ):

1/ Lộ Đông Đô	2/ Lộ Bắc Giang
3/ Lộ Lạng Giang	4/ Lộ Tam Giang
5/ Phủ Thiên Trường	6/ Phủ lộ Long Hưng
7/ Lộ Khoái Châu	8/ Phủ Kiến Xương
9/ Lộ Hoàng Giang	10/ Lộ Trường Yên
11/ Trấn Thiên Quan	12/ Phủ Tân Hưng
13/ Lộ Hải Đông	14/ Trấn Quảng Oai
15/ Trấn Thiên Hưng	16/ Trấn Thái Nguyên
17/ Trấn Lạng Sơn	18/ Trấn Tuyên Quang
19/ Trấn Thanh Đô	20/ Trấn Vọng Giang
21/ Phủ lộ Nghệ An	22/ Trấn Tây Bình
23/ Trấn Thuận Hóa	24/ Lộ Thăng Hoa

Theo danh sách châu, huyện thuộc các lộ trấn kể trên, cuối thời Trần đã có các huyện Yên Lãng, Yên Lạc, Lập Thạch (thuộc châu Tam Đới, lộ Đông Đô) và huyện Dương (thuộc trấn Tuyên Quang) nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Theo vị trí của các huyện này thì địa phận châu Tam Đới ở phía bắc sông Hồng, gồm phần Tây Bắc tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay.

Nhà Hồ (1400-1407) chia nước làm lộ và trấn. Lộ hay trấn thống hạt phủ, phủ thống hạt châu, châu thống hạt huyện, huyện thống hạt xã.

4. Thời kỳ nhà Minh đô hộ

Nhà Minh diệt nhà Hồ (1407), chiếm nước ta, đặt làm quận Giao Chỉ và dựa vào các đơn vị hành chính cũ thời Trần - Hồ, có thay đổi ít nhiều, đặt các châu huyện lệ thuộc vào 15 phủ và 5 châu lớn của quận Giao Chỉ: Phủ Giao Châu, phủ Bắc Giang, phủ Lạng Giang, phủ Tam Giang, phủ Kiến Bình, phủ Tân An (Yên), phủ Trấn Man, phủ Kiến Xương, phủ Phụng Hóa, phủ Thanh Hóa, phủ Lạng Sơn, phủ Tân

Bình, phủ Diễn Châu, phủ Nghệ An, phủ Thuận Hóa, châu Thái Nguyên, châu Tuyên Hóa, châu Gia Hưng, châu Qui Hóa, châu Quảng Oai. Chép về phủ Vĩnh Tường, sách *Đại Nam nhất thống chí* (thế kỷ XIX) viết: "Xưa là đất Phong Châu thời thuộc Minh là châu Tam Đái; đời Lê làm phủ [Vĩnh Tường]."

5. Thời Lê và Tây Sơn

Sau khi đánh đuổi được quân Minh, khôi phục độc lập, Lê Lợi chia cả nước làm 5 đạo: Nam Đạo (Lý Nhân, Khoái Châu, Tân Hưng, Kiến Xương, Thiên Trường), Bắc Đạo (Lạng Giang, Bắc Giang, Thái Nguyên), Đông Đạo (An Bang, Thượng Hồng, Hạ Hồng), Tây Đạo (Tuyên Quang, Hưng Hóa, Gia Hưng, Tam Giang), Hải Đạo (Thanh Hoa, Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa). Đạo này mới đặt thêm năm 1428, còn 4 đạo trên đã lập từ thời kỳ chống quân Minh. Các lộ, trấn, phủ, châu, huyện lệ thuộc vào các đạo. Đất Vĩnh Phúc ngày nay thuộc Tây Đạo.

Năm Quang Thuận thứ 7 (1466), Lê Thánh Tông chia cả nước làm 12 thừa tuyên (như cấp tỉnh ngày nay) là: Thanh Hoa, Nghệ An, Sơn Nam, Quốc Oai, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Lạng Sơn, An Quảng, Thuận Hóa và phủ Trung Đô. Đất Vĩnh Phúc ngày nay thuộc thừa tuyên Quốc Oai và thừa tuyên Thái Nguyên. Đến năm thứ 10 (1469) thì quy định bản đồ cả nước, đổi gọi thừa tuyên Quốc Oai là thừa tuyên Sơn Tây.

"Bản đồ Hồng Đức" (7) hoàn thành năm Hồng Đức thứ 21 (1490), cho biết cả nước gồm Kinh đô (phủ Phụng Thiên có 2 huyện) và 13 thừa tuyên: Sơn Nam (11 phủ, 42 huyện), Kinh Bắc (4 phủ, 20 huyện), Sơn Tây (6 phủ, 24 huyện), Hải Dương (3 phủ,

17 huyện), Yên Bang (1 phủ, 3 huyện, 4 châu), Lạng Sơn (1 phủ, 6 châu), Ninh Sóc (3 phủ, 8 huyện, 6 châu), Tuyên Quang (1 phủ, 2 huyện, 5 châu), Hưng Hóa (3 phủ, 17 châu), Thanh Hóa (4 phủ, 16 huyện, 4 châu), Nghệ An (4 phủ, 27 huyện, 3 châu), Thuận Hóa (2 phủ, 7 huyện, 3 châu), Quảng Nam (3 phủ, 9 huyện). Liên quan đến vùng lãnh thổ nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc là hai thừa tuyên Sơn Tây và Thái Nguyên:

* Thừa tuyên Sơn Tây gồm 6 phủ, 24 huyện:

- Phủ Quốc Oai, 5 huyện: Từ Liêm, Đan Phượng, Phúc Lộc, Thạch Thất, Yên Sơn;

- Phủ Tam Đái, 6 huyện: Yên Lãng, Yên Lạc, Bạch Hạc, Phù Khang, Tân Phong, Lập Thạch.

- Phủ Lâm Thao, 4 huyện: Sơn Vi, Thanh Ba, Hoa Khê, Hạ Hòa;

- Phủ Đoan Hùng, 5 huyện: Đông Lan, Tây Lan, Sơn Dương, Dương Đạo, Tam Dương;

- Phủ Đà Dương, 2 huyện: Tam Nông, Bất Bạt;

- Phủ Quảng Oai, 2 huyện: Mĩ Lương, Minh Nghĩa.

* Thừa tuyên Thái Nguyên gồm 3 phủ, 9 huyện, 6 châu:

- Phủ Phú Bình 8 huyện, 1 châu: Phố Yên, Đại Từ, Tư Nông, Bình Xuyên, Động Hỷ, Phú Lương, Văn Lãng, Định Hóa, Vũ Nhai;

- Phủ Thông Hóa 1 huyện, 1 châu: Cẩm Hóa, Bạch Thông;

- Phủ Cao Bằng 4 châu: Thượng Lang, Hạ Lang, Thạch Lâm, Quảng Uyên.

Đối chiếu vị trí các huyện kể trên với bản đồ đời Hồng Đức, có thể xác định vị trí tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay gồm 5 huyện, Yên Lạc, Bạch Hạc, Lập Thạch, Tam Dương, Bình Xuyên.

Hồng Đức bản đồ chỉ ghi vị trí sông, núi và các châu, huyện nên có thể nhiều xã, thôn thuộc các huyện kể trên nay không thuộc Vĩnh Phúc.

Thời Lê Trung Hưng, về cơ cấu hành chính và số làng xã có sự thay đổi. Dưới cấp huyện chia thành tổng, xã, thôn, trang, phường. Có thôn, trang, phường do xã kiêm lý; có thôn, trang, phường, sở lệ thẳng vào tổng (tương đương xã nhỏ). Xã quan đổi thành xã trưởng, đứng đầu tổng là Thập lý hầu. Mỗi Thập lý hầu cai quản trên 10 xã, có viên ăn hàm bát phẩm, có viên hàm cử phẩm.

Theo sách "Dư địa chí" (7) của Nguyễn Trãi, "Bản đồ Hồng Đức" (8) và *Dư địa chí* trong sách "Lịch triều hiến chương loại chí" (9) của Phan Huy Chú, từ đầu thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XVIII, vùng đất nay là tỉnh Vĩnh Phúc được chia định các cấp hành chính như sau:

Theo *Dư địa chí* (10) của Nguyễn Trãi, vùng đất nay là tỉnh Vĩnh Phúc, vào đầu thế kỷ XV chia làm 5 huyện, 382 xã, thôn, châu, trang:

- Huyện Yên Lạc (11) (thuộc phủ Tam Đái) 100 xã, 2 thôn, 8 châu (bãi).

- Huyện Bạch Hạc (12) (thuộc phủ Tam Đái) (13) 63 xã, 5 thôn, 2 châu (bãi).

- Huyện Lập Thạch (14) (thuộc phủ Tam Đái): 101 xã.

- Huyện Tam Dương (15) (thuộc phủ Đoan Hùng) (16) 72 xã, 1 trang.

- Huyện Bình Nguyên (17) (thuộc phủ Phú Bình) (18) 27 xã.

Trong *Bản đồ Hồng Đức* (19), bản đồ đính vào bản đồ thừa tuyên Sơn Tây và thừa tuyên Thái Nguyên, vào cuối thế kỷ XV vùng đất nay là tỉnh Vĩnh Phúc được chia làm 5 huyện, 375 xã, thôn, trang, phường, sớ:

- Huyện Yên Lạc (thuộc phủ Tam Đái): 98 xã, 2 thôn, 6 châu (bãi).

- Huyện Bạch Hạc (thuộc phủ Tam Đái): 63 xã, 2 thôn, 4 phường.

- Huyện Lập Thạch (thuộc phủ Tam Đái): 101 xã.

- Huyện Tam Dương (thuộc phủ Đoan Hùng): 73 xã, 1 trang.

- Huyện Bình Tuyên (thuộc phủ Phú Bình): 25 xã.

Theo *Dư địa chí* (20) của Phan Huy Chú, vùng đất nay là tỉnh Vĩnh Phúc, vào cuối thế kỷ XVIII được chia làm 5 huyện, 350 xã:

- Huyện Yên Lạc (thuộc phủ Tam Đái): 108 xã.

- Huyện Bạch Hạc (thuộc phủ Tam Đái): 64 xã.

- Huyện Lập Thạch (thuộc phủ Tam Đái): 83 xã.

- Huyện Tam Dương (thuộc phủ Đoan Hùng): 56 xã.

- Huyện Bình Tuyên (thuộc phủ Phú Bình): 39 xã.

6. Thời Nguyễn và thời Pháp thuộc

Từ đầu thế kỷ XIX đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, theo các sách: “Các tổng trấn xã danh bị lãm” (21), “Bắc Thành địa dư chí” (22), “Đại Nam nhất thống chí” (23), “Đồng Khánh địa dư chí” (24) và tài liệu lưu trữ (25), vùng đất nay là tỉnh Vĩnh

Phúc được chia định về hành chính các cấp như sau:

Theo sách *Các tổng trấn xã danh bị lãm* (26), đầu thế kỷ XIX vùng đất nay là tỉnh Vĩnh Phúc thuộc trấn Sơn Tây, chia làm 5 huyện, 48 tổng, 332 xã, thôn, trang, phường, sớ:

1. Huyện Bạch Hạc (phủ Tam Đới, trấn Sơn Tây): 8 tổng; 61 xã, thôn.

2. Yên Lạc (phủ Tam Đới, trấn Sơn Tây): 15 tổng, 108 xã, thôn, châu.

3. Huyện Lập Thạch (phủ Tam Đới, trấn Sơn Tây): 11 tổng, 84 xã, phường.

4. Huyện Tam Dương (phủ Đoan Hùng, trấn Sơn Tây): 7 tổng, 51, xã, thôn.

5. Huyện Bình Tuyên (27) (phủ Phú Bình xứ Thái Nguyên): 7 tổng, 27 xã, trang, trại.

Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* (28), vùng đất nay là tỉnh Vĩnh Phúc, vào nửa cuối thế kỷ XIX chia làm 5 huyện, 47 tổng, 362 xã, thôn, trang, trại, giáp, lý. Tăng 30 đơn vị hành chính cơ sở so với danh sách “Bị lãm”:

1. Huyện Bạch Hạc (phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây): 9 tổng; 62 xã, thôn phường châu vạn.

2. Yên Lạc (phân phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây): 12 tổng, 88 xã, thôn, phường bãi.

3. Huyện Lập Thạch (phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây): 12 tổng, 82 xã, thôn phường.

4. Huyện Tam Dương (phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây): 7 tổng, 61 xã, thôn.

5. Huyện Bình Xuyên (phủ Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên): 7 tổng, 33 xã, thôn.

Theo sách *Đồng Khánh địa dư chí* (29) (1886-1887), vùng đất nay là tỉnh Vĩnh

Phúc, vào cuối thế kỷ XIX, chia làm 5 huyện, 48 tổng, 352 xã, thôn, trang, trại, lý, giáp. Giảm 10 đơn vị hành chính cơ sở so với danh sách trong “Đại Nam nhất thống chí”:

1. Huyện Bạch Hạc (thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây): 8 tổng, 69 xã, thôn, phường.

2. Huyện Lập Thạch (thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây): 11 tổng, 82 xã, thôn, phường.

3. Huyện Tam Dương (thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây): 10 tổng, 81 xã, thôn, động.

4. Huyện Yên Lạc (thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây): 12 tổng, 88 xã, thôn.

5. Huyện Bình Xuyên (thuộc phủ Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên): 7 tổng, 32 xã, thôn.

Ngày 6-1-1890, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập *tỉnh Vĩnh Yên*. Ngày 20-10-1890, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập *đạo Vĩnh Yên*. Địa bàn đạo Vĩnh Yên gồm:

- Toàn bộ phủ Vĩnh Tường tách từ tỉnh Sơn Tây, gồm 5 huyện: Bạch Hạc, Lập Thạch, Tam Dương, Yên Lạc, Yên Lãng.

- Huyện Bình Xuyên tách từ phủ Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Một phần huyện Kim Anh tách khỏi tỉnh Bắc Ninh.

Đạo lỵ đặt tại Hương Canh, thuộc huyện Tam Dương.

Sau đó, có lẽ vì những lý do chính trị, ngày 12-4-1891, Toàn quyền Đông Dương lại ra nghị định bãi bỏ đạo Vĩnh Yên. Toàn bộ địa bàn của đạo này sáp nhập vào tỉnh Sơn Tây.

Hơn 8 năm sau, do phong trào chống đối của nhân dân ngày càng mạnh hơn và thấy sự cần phải trực tiếp nắm quyền cai trị, ngày 29-12-1899, Toàn quyền Đông Dương lại ra nghị định thành lập *tỉnh Vĩnh Yên*. Địa bàn tỉnh Vĩnh Yên gồm 5 huyện: Bạch Hạc, Lập Thạch, Tam Dương, Yên Lạc, Yên Lãng (phủ Vĩnh Tường) và huyện Bình Xuyên. Tỉnh lỵ đặt tại xã Tích Sơn, huyện Tam Dương; đặt tên là Vĩnh Yên.

Ngày 6-10-1901, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập *tỉnh Phù Lỗ*, địa bàn gồm:

- Huyện Yên Lãng (cắt từ tỉnh Vĩnh Yên sang);

- Phủ Đa Phúc; huyện Kim Anh và một phần huyện Đông Khê (cắt từ tỉnh Bắc Ninh sang). Ngày 10-4-1903, Thống sứ Bắc Kỳ ra quyết định đổi gọi huyện Đông Khê thành huyện Đông Anh.

Tỉnh lỵ Phù Lỗ: Theo nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 1-7-1902, đặt tại xã Tiên Dược Thượng (Đa Phúc); theo nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 10-12-1903, chuyển tỉnh lỵ Phù Lỗ về xã Đạm Xuyên (huyện Yên Lãng).

Ngày 18-2-1904, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập *tỉnh Phúc Yên*. Địa bàn tỉnh Phúc Yên là tỉnh Phù Lỗ cũ. Ngày 31-10-1905, thành lập thị xã Phúc Yên.

Ngày 7-3-1913, Toàn quyền Đông Dương lại ra nghị định xóa bỏ tỉnh Phúc Yên và chuyển thành *Đại lý Phúc Yên*, trực thuộc tỉnh Vĩnh Yên. Ngày 31-3-1923, Thống sứ Bắc Kỳ ra nghị định lập lại tỉnh Phúc Yên, gồm 2 phủ Đa Phúc, Yên Lãng và 2 huyện Kim Anh, Đông Anh.

Như vậy, đến đầu thế kỷ XX, toàn bộ tỉnh Vĩnh Yên và một số xã thuộc huyện

Kim Anh và phủ Yên Lãng của tỉnh Phúc Yên, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, vùng đất nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, vào năm 1926 chia làm 5 huyện (30) và 1 tổng, 6 xã của huyện Yên Lãng; gồm 45 tổng, 304 xã. Giảm 3 tổng, 48 đơn vị hành chính cơ sở so với danh sách cuối thế kỷ XIX:

1. Huyện Yên Lạc (thuộc tỉnh Vĩnh Yên): 8 tổng, 60 xã.
2. Phủ Vĩnh Tường (thuộc tỉnh Vĩnh Yên): 10 tổng, 86 xã.
3. Huyện Bình Xuyên (thuộc tỉnh Vĩnh Yên): 6 tổng, 33 xã.
4. Huyện Tam Dương (thuộc tỉnh Vĩnh Yên): 10 tổng, 55 xã.
5. Huyện Lập Thạch (thuộc tỉnh Vĩnh Yên): 11 tổng, 70 xã.

Như vậy, đến trước Cách mạng tháng 8-1945, trải qua 5 thế kỷ (từ đầu thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX), trên vùng đất nay là tỉnh Vĩnh Phúc không có những thay đổi lớn về sự phân chia lãnh thổ và số lượng đơn vị hành chính các cấp phủ, huyện, xã:

- Đầu thế kỷ XV: 5 huyện, 382 xã, thôn (gọi chung là xã).
- Cuối thế kỷ XV: 5 huyện, 375 xã.
- Cuối thế kỷ XVIII: 5 huyện, 350 xã.
- Đầu thế kỷ XIX: 5 huyện, 332 xã.
- Cuối thế kỷ XIX: 5 huyện, 352 xã.
- Đầu thế kỷ XX (1926): 5 huyện (bỏ cấp phủ từ 1919), 304 xã.

7. Từ sau khi thành lập tỉnh Vĩnh Phúc (1950) đến nay

Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, tỉnh Vĩnh Yên được đặt tên bí danh là tỉnh Nguyễn

Thái Học; tỉnh Phúc Yên là tỉnh Trưng Trắc. Sau Cách mạng, ngày 9-10-1945 Hội đồng Chính phủ quyết nghị: Các kỳ, các thành phố, các tỉnh và các phủ huyện trong khắp nước Việt nam vẫn giữ tên cũ.

Theo *Danh sách các tỉnh, huyện thuộc Liên khu Việt Bắc* tháng 1-1950, tỉnh Phúc Yên, gồm 4 huyện (36 xã): Yên Lãng, Kim Anh, Đa Phúc, Đông Anh. Tỉnh Vĩnh Yên, gồm 5 huyện (106 xã): Vĩnh Tường, Tam Dương, Yên Lạc, Bình Xuyên, Lập Thạch.

Nghị định số 3-TTg ngày 12-2-1950 của Thủ tướng Chính phủ "Hợp nhất 2 tỉnh Phúc Yên và Vĩnh Yên thành một tỉnh, lấy tên là tỉnh Vĩnh Phúc". Tỉnh Vĩnh Phúc khi mới thành lập có 9 huyện, 137 xã, 634 thôn (31):

1. Bình Xuyên (16 xã, 59 thôn).
2. Đa Phúc (7 xã, 53 thôn).
3. Đông Anh (8 xã, 62 thôn).
4. Kim Anh (10 xã, 62 thôn).
5. Lập Thạch (26 xã, 96 thôn).
6. Tam Dương (21 xã, 82 thôn).
7. Vĩnh Tường (22 xã, 95 thôn).
8. Yên Lạc (16 xã, 69 thôn).
9. Yên Lãng (11 xã, 56 thôn).

Từ khi thành lập (1950) đến nay, số lượng các đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Vĩnh Phúc có những biến động như sau:

* Nghị định số 450-TTg ngày 1-2-1955 của Thủ tướng Chính phủ: Tái lập thị xã Vĩnh Yên và thị xã Phúc Yên trực thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

* Thành lập thị trấn Bạch Hạc trực thuộc Ủy ban hành chính huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (Quyết định số 489/TCCB ngày 15-5-1956 của UBHC LKVB).

* Sáp nhập huyện Phố Yên vào tỉnh Vĩnh Phúc (Sắc lệnh số 268-SL ngày 1/7/1956 của Chủ tịch nước).

* Trả thôn Tháp Miếu thuộc xã Thăng Lợi, huyện Kim Anh về thị xã Phúc Yên. Sáp nhập hai thôn Đồng Cờ và Nam Viêm thuộc xã Cao Minh, huyện Kim Anh vào xã Thăng Lợi, huyện Kim Anh. Trả xóm Ngọc Long thuộc xã Hồng Phương, huyện Yên Lạc về xã Hồng Châu thuộc huyện Yên Lạc (Nghị định số 30-NĐ/CQNT ngày 21-1-1957 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

* Hợp nhất thị trấn Bạch Hạc thuộc tỉnh Vĩnh Phúc và thị trấn Việt Trì thuộc tỉnh Phú Thọ thành thị xã Việt Trì đặt trực thuộc Ủy ban Hành chính tỉnh Phú Thọ. Địa giới thị xã Việt Trì gồm khu vực đất đai cũ của hai thị trấn Bạch Hạc và Việt Trì (Nghị định số 240-TTg ngày 7-6-1957 của Thủ tướng Chính phủ).

* Trả huyện Phố Yên về tỉnh Thái Nguyên (Nghị định số 259 - TTg ngày 15-6-1957 của Thủ tướng Chính phủ).

* Chia xã Minh Quang thuộc huyện Bình Xuyên tỉnh Vĩnh Phúc thành 2 xã (Quyết nghị số 700 NV/NĐ ngày 14-11-1957 của Bộ Nội vụ):

1. Xã Minh Quang (lấy tên xã cũ), gồm các xóm: Xạ Hương-Ấp Dâu, Lưu Quang-Bàn Long, Cam Lâm.

2. Xã Trung Mỹ gồm các xóm: Trung Mậu-Ba Gò, Mỹ Khê-Gia Khau, Thanh Lanh.

* Sáp nhập xã Tích Sơn thuộc huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc vào thị xã Vĩnh Yên. Xã Tích Sơn đặt trực thuộc Ủy ban Hành chính thị xã Vĩnh Yên. (Nghị định số 156- TTg ngày 22-3-1958 của Thủ tướng Chính phủ).

* Sáp nhập vào thành phố Hà Nội cả huyện Đông Anh (gồm 16 xã) và xã Kim Chung của huyện Yên Lãng; nửa thôn Phù Lỗ Đoài về phía nam sông Cà Lồ của huyện Kim Anh (nghị quyết của Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 4 ngày 20-4-1961).

* Các xóm Bầu, Bảo Sơn thuộc xã Hạnh Phúc và các xóm Láp Trên, Láp Trại và Láp Dưới thuộc xã Định Trung, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, nay đưa về thị xã Vĩnh Yên cùng tỉnh (Quyết định số 68- CP ngày 17-5-1961 của Hội đồng Chính phủ).

* Thành lập thị trấn nông trường quốc doanh Tam Đảo trực thuộc huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (Quyết định số 238-NV ngày 30-6-1965 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

* Đổi xã Tam Đảo thuộc huyện Tam Dương tỉnh Vĩnh Phúc thành thị trấn Tam Đảo trực thuộc tỉnh Vĩnh Phúc (Quyết định số 198-CP ngày 18-11-1966 của Hội đồng Chính phủ).

* Hợp nhất hai tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ thành một tỉnh, lấy tên là tỉnh Vĩnh Phú (Nghị quyết số 504-NQ/TVQH ngày 26-1-1968 của Ủy ban thường vụ Quốc hội).

* Chuyển thị xã Phúc Yên thành thị trấn Phúc Yên trực thuộc huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú (Quyết định số 97-CP ngày 26-6-1976 của Hội đồng Chính phủ).

* Thành lập thị trấn Xuân Hòa trực thuộc tỉnh Vĩnh Phú. Địa giới của thị trấn Xuân Hòa, gồm các diện tích dùng để xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng và các cơ sở phụ thuộc phục vụ cho các công trình trên theo quy hoạch đã được Nhà nước duyệt trên địa bàn xung quanh núi Thần Lành (xã Cao Minh), đổi thôn Thăng Trí (xã

Thắng Trĩ), đổi thôn Ninh Kiều (xã Tân Dân) thuộc huyện Kim Anh, tỉnh Vĩnh Phú. (Quyết định số 110-BT ngày 26-6-1976 của Bộ trưởng Phủ Thủ tướng).

* Hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Vĩnh Phú (Quyết định số 178- CP ngày 5-7-1977 của Hội đồng Chính phủ):

1. Hợp nhất huyện Đa Phúc, huyện Kim Anh, thị trấn Xuân Hòa (thuộc tỉnh) thành một huyện, lấy tên là huyện Sóc Sơn.

2. Hợp nhất huyện Bình Xuyên và huyện Yên Lãng thành một huyện, lấy tên là huyện Mê Linh và sáp nhập 4 xã của huyện Yên Lạc: Văn Tiến, Nguyệt Đức, Minh Tân và Bình Định, 2 xã của huyện Kim Anh: Quang Minh và Kim Hoa vào huyện Mê Linh.

3. Hợp nhất huyện Vĩnh Tường và huyện Yên Lạc thành một huyện, lấy tên là huyện Vĩnh Lạc.

4. Hợp nhất huyện Lập Thạch và huyện Tam Dương thành một huyện, lấy tên là huyện Tam Đảo.

5. Sáp nhập thôn Lang Đài, thôn Mộ Chu Hạ của xã Bồ Sao (huyện Vĩnh Tường) vào thành phố Việt Trì.

6. Sáp nhập xã Định Trung, xã Khai Quang của huyện Tam Dương và thị trấn Tam Đảo vào thị xã Vĩnh Yên.

* Sáp nhập vào thành phố Hà Nội: huyện Sóc Sơn; thị trấn Phúc Yên và các xã Chu Phan, Đại Thịnh, Liên Mạc, Mê Linh, Tam Đồng, Thạch Đà, Thanh Lâm, Tiên Châu, Tiên Phong, Tiến Thắng, Tiến Thịnh, Tự Lập, Tráng Việt, Hoàng Kim, Văn Khê, Vạn Yên, Quang Minh, Kim Hoa thuộc huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phú (Nghị

quyết của Quốc hội khoá VI, kỳ họp thứ 4, ngày 29-12-1978).

* Điều chỉnh địa giới của huyện Tam Đảo và huyện Vĩnh Lạc thuộc tỉnh Vĩnh Phú (Quyết định số 71- CP ngày 26-2-1979 của Hội đồng Chính phủ):

1. Chia huyện Tam Đảo thành hai huyện, lấy tên là huyện Lập Thạch và huyện Tam Đảo.

- Huyện Lập Thạch, gồm có các xã (thuộc huyện Lập Thạch cũ): Bạch Lưu; Bắc Bình, Bàn Giản, Bồ Lý, Cao Phong, Đạo Trù, Đình Chu, Đôn Nhân, Đồng Ích, Đông Quế, Đồng Thịnh, Đức Bác, Hải Lựu, Hợp Lý, Lãng Công, Liên Hòa, Liễn Sơn, Ngọc Mỹ, Nhân Đạo, Nhạo Sơn, Như Thủy, Phương Khoan, Quang Sơn, Quang Yên, Sơn Đông, Tam Sơn, Tân Lập, Thái Hòa, Tiên Lữ, Triệu Đế, Tứ Yên, Văn Quán, Văn Trục, Xuân Hòa, Xuân Lôi, Yên Dương, Yên Thạch và Tử Du.

- Huyện Tam Đảo, gồm các xã (thuộc huyện Tam Dương và huyện Bình Xuyên cũ): Đại Đình, Tam Quan, Hồ Sơn, Hợp Châu, Hoàng Hoa, Kim Long, Hợp Hòa, An Hòa, Duy Tiên, Hoàng Đan, Hoàng Lâu, Vân Hội, Hợp Thịnh, Thanh Vân, Đạo Tú, Hưng Đạo, Đồng Tĩnh và các xã Minh Quang, Gia Khánh, Trung Mỹ, Thiện Kế, Sơn Lôi, Tam Hợp, Bá Kiến, Tam Canh, Quất Lưu, Thanh Lãng, Tân Phong, Phú Xuân, Đạo Đức, Hương Sơn và thị trấn nông trường Tam Đảo (của huyện Mê Linh cắt sang).

2. Sáp nhập các xã Nguyệt Đức, Văn Tiến, Bình Định và Ninh Tân (của huyện Mê Linh) vào huyện Vĩnh Lạc.

* Chuyển huyện Mê Linh của thành phố Hà Nội về tỉnh Vĩnh Phú (Nghị quyết

Quốc hội khoá VIII, kỳ họp thứ 9 ngày 12-8-1991).

* Hoạch định lại địa giới thị trấn Xuân Hòa thuộc huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phú: Chuyển các thôn Yên Mỹ, Đồng Quỳ, Bảo An của Cao Minh vào thị trấn Xuân Hòa quản lý. Giao cho xã Cao Minh quản lý phần đuôi dãy núi Thần Lăn từ phía sau nhà máy xe đạp Xuân Hòa sang đến cống số 2 hồ Đại Lải trở về tây bắc (Quyết định số 677-HDBT ngày 20-12-1991 của Hội đồng Bộ trưởng).

* Giải thể thị trấn nông trường Tam Đảo (huyện Tam Đảo) thuộc tỉnh Vĩnh Phú (Quyết định số 489/TCPP ngày 4-8-1992 của Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ).

* Chia huyện Vĩnh Lạc thuộc tỉnh Vĩnh Phú thành hai huyện: Vĩnh Tường và Yên Lạc (Nghị định số 63-CP ngày 7-10-1995 của Chính phủ):

- Huyện Vĩnh Tường gồm thị trấn Vĩnh Tường và 28 xã: Vĩnh Ninh, Phú Đa, Lũng Hòa, Thổ Tang, Tân Cương, Đại Đồng, Tứ Trung, Cao Đại, Tuấn Chính, Bồ Sao, Vĩnh Sơn, Bình Dương, Vân Xuân, Tam Phúc, Phú Thịnh, Lý Nhân, An Tường, Vĩnh Thịnh, Yên Bình, Tân Tiến, Vũ Di, Thượng Trung, Chấn Hưng, Ngũ Kiên, Kim Xá, Yên Lập, Việt Xuân và Nghĩa Hưng.

- Huyện Yên Lạc gồm 17 xã: Đồng Cương, Bình Định, Trung Nguyên, Tê Lỗ, Minh Tân, Tam Hồng, Yên Đồng, Đại Tự, Hồng Châu, Liên Châu, Trung Hà, Trung Kiên, Hồng Phương, Nguyệt Đức, Văn Tiến, Yên Phương và Đồng Văn.

* Thành lập và phân vạch địa giới thị trấn thuộc các huyện Tam Đảo, Lập Thạch, Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phú (Nghị

định số 82- CP ngày 22-11-1995 của Chính phủ):

1. Thành lập thị trấn Tam Dương, thị trấn huyện lỵ của huyện Tam Đảo trên cơ sở 693,69 ha diện tích tự nhiên và 9.008 nhân khẩu của xã Hợp Thịnh; 275,81 ha diện tích tự nhiên và 6.772 nhân khẩu của xã Vân Hội.

2. Thành lập thị trấn Hương Canh thuộc huyện Tam Đảo trên cơ sở toàn bộ đất đai và dân cư của xã Tam Canh cũ.

3. Thành lập thị trấn Lập Thạch, thị trấn huyện lỵ của huyện Lập Thạch trên cơ sở 407 ha diện tích tự nhiên và 4.750 nhân khẩu của xã Xuân Hoà.

4. Thành lập thị trấn Vĩnh Tường, thị trấn huyện lỵ của huyện Vĩnh Tường trên cơ sở 282,62 ha diện tích tự nhiên và 4.171 nhân khẩu của xã Vũ Di cũ; 3.348 ha diện tích tự nhiên của xã Tứ Trung (cùng huyện).

* Chia tỉnh Vĩnh Phú thành hai tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc (Bắt đầu làm việc theo đơn vị hành chính mới từ 1-1-1997). Tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích tự nhiên 1.370,73 km², dân số 1.066.522 người, với 6 đơn vị hành chính cấp huyện: thị xã Vĩnh Yên và các huyện Lập Thạch, Vĩnh Tường, Yên Lạc, Tam Đảo, Mê Linh. Tỉnh lỵ đặt tại thị xã Vĩnh Yên (Nghị quyết Quốc hội khoá IX kỳ họp thứ 10, ngày 6-11-1996).

* Chia huyện Tam Đảo thành 2 huyện Tam Dương và Bình Xuyên như cũ (Nghị định số 36/1998/NĐCP ngày 9-6-1998 của Chính phủ).

* Tháng 12-2003 thành lập huyện Tam Đảo (mới) gồm các xã Đạo Trù, Bồ Lý, Yên Dương (nguyên thuộc huyện Lập Thạch);

Đại Đình, Tam Quan, Hồ Sơn, Hợp Châu (nguyên thuộc huyện Tam Dương); xã Minh Quang (nguyên thuộc huyện Bình Xuyên) và thị trấn Tam Đảo (nguyên thuộc thị xã Vĩnh Yên).

* Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 23-12-2008 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lập Thạch để thành lập huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

CHÚ THÍCH

(1). *Việt sử lược*, viết vào đời Trần, chưa biết tác giả. Bản dịch của Trần Quốc Vượng. Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1960.

(2). *Lĩnh Nam chí quái* (Vũ Quỳnh, Kiều Phú) - Bản dịch, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1960.

(3). *Dư địa chí* (Nguyễn Trãi) - Bản dịch, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960.

(4). *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê) - Bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967-1968.

(5). Dãy Hoàng Sơn ở giáp giới tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Quảng Bình.

(6). Có tài liệu ghi lộ, rồi đến hương và cuối cùng là xã.

(7). Tập bản đồ nước Đại Việt, hoàn thành vào năm Hồng Đức thứ 21 [1490] triều Lê Thánh Tông. Có bản đồ cả nước, bản đồ Trung đô và bản đồ 13 thừa tuyên; gồm 52 phủ, 178 huyện, 50 châu, 20 hương, 36 phường, 685 xã, 322 thôn, 637 trang, 40 sách, 40 động, 30 nguyên, 30 trường.

(8). *Dư địa chí*: Còn gọi "An Nam vũ cống". Tác phẩm địa chí nước Đại Việt, do Nguyễn Trãi viết năm 1435 dâng lên vua Lê Thái Tông. Sách còn có lời tập chú của Nguyễn Thiên Túng, căn án của

Hiện nay tỉnh Vĩnh Phúc có 1 thành phố tỉnh lỵ (Vĩnh Yên), 1 thị xã (Phúc Yên) và 7 huyện: Lập Thạch, Sông Lô, Tam Dương, Tam Đảo, Bình Xuyên, Vĩnh Tường, Yên Lạc. So với khi mới thành lập, giảm 4 huyện: Đa Phúc, Đông Anh, Yên Lãng (trừ xã Tiền Châu nay thuộc thị xã Phúc Yên), Kim Anh (trừ các xã: Cao Minh, Phúc Thắng, Nam Viêm, Ngọc Thanh và đất phường Xuân Hòa nay thuộc thị xã Phúc Yên).

(Còn nữa)

Nguyễn Thiên Tích và thông luận của Lý Tử Tấn là những tác gia đương thời. Gồm 54 mục, trình bày vị trí địa lý, hình thế núi sông, lịch sử, thổ nhưỡng, đặc sản, nghề thủ công, tập quán cư dân và tên gọi, số lượng các phủ, huyện, xã, thôn của các đạo.

(9). "Bản đồ Hồng Đức", sdd.

(10). Sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, trong đó có "Dư địa chí", biên soạn từ năm 1808, hoàn thành và dâng lên vua Minh Mạng năm 1821. Trong *Dư địa chí*, Phan Huy Chú ghi số lượng xã, thôn "trước" và "nay" của các huyện. "Trước": chưa biết là số liệu của năm nào, tạm xem là trước bản triều [Nguyễn], tức trước thế kỷ XIX. "Nay": hẳn là số liệu của thời Phan Huy Chú, trước năm hoàn thành bộ sách (1821).

(11). Nguyễn Trãi: *Dư địa chí* - Bản dịch, Nxb. Sử học, Hà Nội 1960.

(12). Thời nhà Hán cai trị là đất huyện Phong Khê. Thời kỳ tự chủ, từ nhà Đinh, nhà Lý (thế kỷ X-XI) mới đặt tên huyện Yên Lạc; từ niên hiệu Quang Thuận (1460 - 1469) nhà Lê lệ thuộc phủ Vĩnh Tường.

(13). Nguyên là đất Phong Châu. Đời Lê Quang Thuận (1460-1469) đặt tên là Bạch Hạc.

(14). Đời Trần là lộ Tam Đái; thời thuộc Minh là châu Tam Đái; đời Lê là phủ Tam Đái; năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) đổi là phủ Tam Đa; năm thứ 3 (1822) đổi là phủ Vinh Tường; năm thứ 13 (1832) tách 2 huyện Yên Lãng và Yên Lạc lập làm phân phủ.

(15). Thời nhà Hán cai trị là đất quận Giao Chỉ. Tên huyện có từ nhà Trần về trước; từ niên hiệu Quang Thuận (1460 - 1469) nhà Lê lệ thuộc phủ Vinh Tường.

(16). Từ năm Minh Mệnh thứ 11 (1830) đổi thuộc phủ Vinh Tường.

(17). Thời nhà Hán cai trị là đất quận Giao Chỉ. Thời kỳ tự chủ: nhà Trần là lộ Tam Giang; từ niên hiệu Quang Thuận (1460 - 1469) nhà Lê đặt tên Doan Hùng.

(18). Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) nhà Nguyễn đổi là Bình Xuyên.

(19). Thời nhà Minh cai trị là phủ Phú Bình. Thời kỳ tự chủ: nhà Lê vẫn theo như trước, gồm 6 huyện là Tư Nông, Động Hỷ, Vũ Nhai, Bình Tuyên, Phú Lương, Đại Từ và châu Định Hóa.

(20). Bộ Quốc gia giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1962.

(21). *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập I. Nxb Sử học, Hà Nội, 1960.

(22). Sách được biên soạn đầu thế kỷ XIX, viết tắt là *Bị Lãm*.

(23). Bộ sách địa lý do sử quán triều Nguyễn đời Tự Đức biên soạn từ 1864-1875.

(24). Bộ sách địa lý, hoàn thành dưới thời Đồng Khánh (1885-1889).

(25). Tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc Kỳ tại Trung tâm lưu trữ quốc gia I (Hà Nội)

(26). *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX* (Các tổng trấn xã danh bị lãm). Dương Thị The - Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981.

(27). Từ đời Thiệu Trị (1841-1847) triều Nguyễn đổi gọi là Bình Xuyên.

(28). *Đại Nam nhất thống chí* Tập III. Nxb, Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.

(29). Bản dịch của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

(30). Đã bỏ cấp trung gian giữa huyện và tỉnh. Phủ, huyện đều trực thuộc tỉnh. Phủ lớn hơn huyện.

(31). Trong Kháng chiến chống Pháp (1945-1954), ta chủ trương thành lập các "đại xã", thường gồm một số xã cũ hoặc 1 tổng cũ. Đến Cải cách ruộng đất (1955-1956) lại chia nhỏ ra và nói chung được duy trì đến ngày nay.